

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**HUỶNH THỊ CẨM LIÊM**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH  
NHÀ NƯỚC HUYỆN ĐỨC PHỔ**

**Chuyên ngành : Kinh tế phát triển**  
**Mã số : 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng, năm 2011**

2

Công trình được hoàn thành tại  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ**

**Phản biện 1: PGS. TS. Bùi Quang Bình**

**Phản biện 2: TS. Tống Thiện Phước**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 30 tháng 11 năm 2011.

**Có thể tìm hiểu luận văn tại:**

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

Ngân sách huyện Đức Phổ là một cấp ngân sách thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ của NSNN. Việc tổ chức, quản lý ngân sách huyện hiệu quả sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết được những vấn đề bức thiết của xã hội trên địa bàn huyện .

Từ khi Luật NSNN ra đời và có hiệu lực kể từ năm 1997 đã đánh dấu bước đổi mới quan trọng trong quản lý NSNN. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, hiệu quả sử dụng của NSNN còn thấp, gây thất thoát, lãng phí. Vì vậy, tăng cường công tác quản lý NSNN là một nhiệm vụ cần thiết của Đảng và Nhà nước ta, nhằm nâng cao hiệu quả tiền, vốn, tài sản Nhà nước.

Xuất phát từ thực tế trên, tôi chọn đề tài *“Hoàn thiện công tác quản lý ngân sách nhà nước huyện Đức Phổ”* để làm Luận văn tốt nghiệp.

### 2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về NSNN và công tác quản lý NSNN cấp huyện;
- Phân tích thực trạng công tác quản lý NSNN huyện Đức Phổ để đánh giá kết quả đạt được, hạn chế và tìm ra nguyên nhân hạn chế;
- Đề xuất một số giải pháp khoa học, hợp lý nhằm hoàn thiện công tác quản lý NSNN huyện Đức Phổ trong thời gian đến.

### 3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: tập trung vào công tác quản lý NSNN huyện.

Phạm vi nghiên cứu: công tác quản lý NSNN huyện qua các khâu lập dự toán, chấp hành, quyết toán và thanh kiểm tra NSNN ở huyện Đức Phổ.

### 4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để đạt được mục đích nghiên cứu, đề tài sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, thống kê, mô tả từ đó rút ra kết luận về vấn đề được nghiên cứu thông qua việc xử lý số liệu bằng phương pháp thống kê toán học trên Excel.

### 5. Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

Đề tài nghiên cứu nhằm giúp các nhà quản lý hoạch định chính sách phù hợp thực tế trong việc quản lý NSNN tại huyện Đức Phổ.

### 6. BỐ CỤC CỦA LUẬN VĂN

Ngoài phần Mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và mục lục, luận văn chia thành 3 chương với các nội dung cụ thể như sau:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về NSNN và quản lý NSNN cấp huyện.

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý NSNN huyện Đức Phổ.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý NSNN huyện Đức Phổ trong thời gian đến.

## CHƯƠNG 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NSNN CẤP HUYỆN (QUẬN)

#### 1.1. NSNN VÀ NSNN CẤP HUYỆN (QUẬN)

##### 1.1.1. Tổng quan về NSNN

###### 1.1.1.1. Khái niệm NSNN

Theo PGS.TS. Dương Đăng Chinh, thì “NSNN là phạm trù kinh tế và là phạm trù lịch sử. Ngân sách Nhà nước phản ánh các quan hệ kinh tế phát sinh gắn liền với quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước khi Nhà nước tham gia phân phối các nguồn tài chính quốc gia nhằm thực hiện các chức năng của Nhà nước trên cơ sở luật định” [9, tr.71].

Theo GS.TS Tào Hữu Phùng và GS.TS Nguyễn Công Nghiệp, thì “NSNN là dự toán ( kế hoạch) thu – chi bằng tiền của Nhà nước trong một khoảng thời gian nhất định ( phổ biến là một năm)” [10, tr.59].

Theo Luật NSNN năm 2002, thì “Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước” [2, tr.14].

###### 1.1.1.2. Bản chất của Ngân sách Nhà nước

NSNN không thể tách rời Nhà nước. Là hệ thống các mối quan hệ thu, chi giữa Nhà nước và xã hội phát sinh trong quá trình Nhà nước huy động và sử dụng các nguồn tài chính nhằm đảm bảo yêu cầu thực hiện chức năng quản lý, điều hành KT-XH thông qua dự toán, quyết toán các nguồn thu, nhiệm vụ chi bằng tiền trong thời gian nhất định thường là 1 năm [10].

###### 1.1.1.3. Chức năng của Ngân sách Nhà nước

NSNN đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống tài chính quốc gia. Vì vậy, NSNN cũng có hai chức năng là phân phối, điều chỉnh và kiểm soát [10].

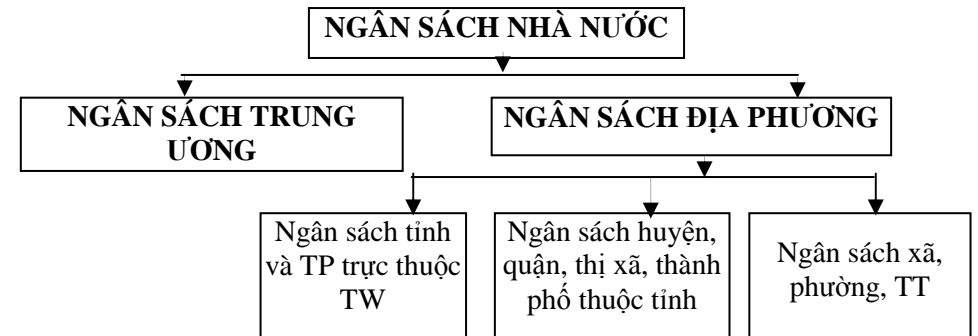
###### 1.1.1.4. Vai trò của Ngân sách Nhà nước

NSNN có vai trò quan trọng trong hoạt động KT-XH, an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Vai trò của NSNN luôn gắn liền với vai trò của Nhà nước trong từng thời kỳ nhất định như khai thác, huy động các nguồn tài chính đảm bảo nhu cầu chi của Nhà nước theo mục tiêu. Quản lý, điều tiết vĩ mô nền kinh tế theo từng giai đoạn tăng trưởng, bù đắp cho những khiếm khuyết của thị trường, kích thích tăng trưởng kinh tế và chống lạm phát [10].

##### 1.1.2. Hệ thống NSNN và phân cấp quản lý NSNN

###### 1.1.2.1. Hệ thống NSNN ở Việt Nam

Theo Luật NSNN năm 2002 [2], Hệ thống NSNN Việt Nam được tổ chức theo sơ đồ sau đây



###### 1.1.2.2. Phân cấp quản lý Ngân sách Nhà nước

Phân cấp quản lý NSNN là xác định phạm vi, quyền hạn, trách nhiệm của các cấp ngân sách trong việc quản lý NSNN, phân chia các nguồn thu, nhiệm vụ chi NSNN từng cấp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ cấp đó.

##### 1.1.3. Ngân sách Nhà nước cấp huyện (quận) trong hệ thống NSNN

###### 1.1.3.1. Khái niệm NSNN cấp huyện (quận)

Theo Bộ Tài chính, thì “Ngân sách huyện (quận) là quỹ tiền tệ tập trung của huyện (quận) được hình thành bằng các nguồn thu và đảm bảo các khoản chi trong phạm vi huyện (quận)” [3, tr. 26].

###### 1.1.3.2. Đặc điểm của NSNN cấp huyện (quận)

Ngân sách huyện (quận) thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ của NSNN trên phạm vi địa bàn huyện (quận); đó là mối quan hệ giữa ngân sách với các tổ chức, cá nhân trong quá trình phân bổ, sử dụng các nguồn lực kinh tế của huyện. Ngân sách cấp huyện không có bội chi ngân sách.

#### **1.1.3.3. Vai trò của ngân sách huyện (quận)**

Ngân sách huyện (quận) có vai trò rất quan trọng trong hoạt động KT-XH, an ninh, quốc phòng. Ngân sách huyện là công cụ quan trọng của chính quyền cấp huyện trong việc ổn định, phát triển KT-XH trên địa bàn.

#### **1.1.3.4. Nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách huyện (quận)**

- *Thu ngân sách huyện* là quá trình tạo lập, hình thành ngân sách huyện, đóng vai trò quan trọng, quyết định đến việc chi ngân sách huyện. Thu ngân sách huyện gồm các loại chính sau: các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách; các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100% (các khoản thuế theo quy định, phí, lệ phí, thu thanh lý ...); thu bổ sung; thu kết dư ngân sách và thu chuyển nguồn ngân sách huyện [2].

- *Chi ngân sách huyện* là việc Nhà nước cấp huyện phân phối và sử dụng quỹ ngân sách nhằm đảm bảo thực hiện các chức năng của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu đời sống KT-XH theo các nguyên tắc nhất định. Chi ngân sách huyện gồm các khoản chủ yếu: chi đầu tư phát triển theo phân cấp; chi thường xuyên đảm bảo hoạt động của bộ máy quản lý cấp huyện; chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới; chi chuyển nguồn của huyện [2].

### **1.2. NỘI DUNG QUẢN LÝ NSNN CẤP HUYỆN (QUẬN)**

Quản lý NSNN huyện (quận) là quản lý toàn bộ các khoản thu, chi NSNN cấp huyện hàng năm qua các khâu: Lập dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán và kiểm tra, thanh tra NSNN huyện (quận) [2].

#### **1.2.1. Công tác lập dự toán NSNN huyện (quận)**

Lập dự toán quyết định nhiệm vụ, quy mô thu, chi ngân sách trong một năm ngân sách, là căn cứ để thực hiện nhiệm vụ thu, chi theo dự toán.

#### **1.2.2. Công tác chấp hành dự toán NSNN huyện (quận)**

Chấp hành ngân sách là quá trình biến các chỉ tiêu thu, chi trong dự toán thành hiện thực. Với mục tiêu phát triển, động viên khai thác nguồn thu, đảm bảo đạt và vượt dự toán giao, đáp ứng nhu cầu chi tiêu của chính quyền cấp huyện được hoạch định trong dự toán chi tiết kiểm, đạt hiệu quả.

#### **1.2.3. Công tác quyết toán NSNN huyện (quận)**

Quyết toán là tổng kết quá trình thực hiện dự toán, nhằm đánh giá kết quả hoạt động của một năm từ đó rút ra ưu, nhược điểm và bài học kinh nghiệm trong việc quản lý ngân sách huyện cho những năm đến.

#### **1.2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra NSNN huyện (quận)**

Mục đích thực hiện thanh kiểm tra, kiểm soát là nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, phát hiện tham nhũng, lãng phí, phát hiện những sơ hở trong cơ chế quản lý chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ lợi ích hợp pháp của tổ chức kinh tế và cá nhân.

### **1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NSNN HUYỆN**

#### **1.3.1. Cơ chế quản lý tài chính**

Cơ chế quản lý là tổng thể phương pháp, hình thức tác động lên một hệ thống, liên kết phối hợp hành động giữa các thành viên trong hệ thống nhằm đạt mục tiêu quản lý trong một giai đoạn nhất định.

#### **1.3.2. Phân cấp quản lý ngân sách trong hệ thống NSNN**

Phân cấp quản lý NSNN là xác định phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của chính quyền Nhà nước các cấp trong việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu, chi của ngân sách, gắn NSNN với các hoạt động KT-XH ở từng địa phương một cách cụ thể nhằm nâng cao tính năng động, tự chủ.

#### **1.3.3. Nhận thức của địa phương về tầm quan trọng và trách nhiệm trong công tác quản lý NSNN huyện (quận)**

Lãnh đạo địa phương phải nắm vững các yêu cầu và nguyên tắc quản lý NSNN và hiểu rõ nguồn gốc của ngân sách huyện và phải được quản lý

đầy đủ, toàn diện ở tất cả các khâu: Lập dự toán ngân sách, chấp hành, quyết toán ngân sách và kiểm tra, thanh tra ngân sách.

#### **1.3.4. Tổ chức bộ máy và trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý cấp huyện**

Trình độ quản lý của con người là nhân tố quan trọng, quyết định sự thành công, chất lượng của công tác quản lý ngân sách.

#### **1.3.5. Hệ thống thông tin, phương tiện quản lý NSNN huyện (quận)**

Để thực hiện chức năng quản lý NSNN theo nhiệm vụ được giao, cần phát triển hệ thống công nghệ thông tin và nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý ngân sách là nhiệm vụ quan trọng của huyện.

### **1.4. KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ NSNN HUYỆN (QUẬN)**

#### **1.4.1. Kinh nghiệm quản lý NSNN tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

Tại Tuy Phước, khi UBND huyện giao dự toán, các cơ quan tham mưu xác định và quản lý nguồn thu là nhiệm vụ quan trọng giúp cho địa phương đảm bảo nguồn chi. Thành lập Hội đồng đầu giá đất ở, xây dựng lực lượng uỷ nhiệm thu thuế cho UBND xã, thực hiện công khai quy trình thu tại trụ sở UBND, đài truyền thanh về số hộ kinh doanh, mức thuế để dân biết tham gia giám sát bảo đảm đóng góp công bằng, đồng viên, nhắc nhở các hộ nộp thuế, coi đó là tiêu chuẩn thi đua ghi nhận khen thưởng danh hiệu đơn vị, thôn xóm và gia đình văn hoá. Nhờ đó, Tuy Phước vượt thu hàng năm.

Trong điều hành chi ngân sách, cấp uỷ, chính quyền các cấp đã chỉ đạo sát sao, chặt chẽ và các cơ quan chuyên môn tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chi bám sát dự toán, bảo đảm cân đối tích cực. Chi đầu tư phát triển được bảo đảm tiến độ thực hiện dự án, chi thường xuyên tiết kiệm, hiệu quả ở huyện và cơ sở, đáp ứng chi đột xuất của huyện, cơ sở, tạo điều kiện cho các cấp hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Kho bạc huyện tích cực kết hợp với các ngành thuộc khối tài chính quản lý chặt chẽ NSNN, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý, điều hành ngân sách trên địa bàn huyện. Đưa công nghệ thông tin vào việc hạch toán kế toán quản lý thu, chi đáp ứng yêu cầu quản lý ngân sách xã.

#### **1.4.2. Kinh nghiệm quản lý NSNN huyện (quận)**

*Một là*, huyện cần quản lý NSNN theo luật và các văn bản hướng dẫn.

*Hai là*, các huyện khác nhau có quá trình phát triển KT-XH khác nhau nhưng đều phải cải cách hành chính trong lĩnh vực quản lý ngân sách.

*Ba là*, coi trọng công tác phân tích, dự báo kinh tế phục vụ cho việc lập dự toán ngân sách nhằm phát triển KT-XH.

*Bốn là*, mạnh dạn phân cấp quản lý ngân sách cho các cấp chính quyền địa phương trên cơ sở thống nhất chính sách, chế độ theo quy định.

*Năm là*, thực hiện các biện pháp quản lý ngân sách xuyên suốt chu trình quản lý NSNN lập, chấp hành, quyết toán thanh, kiểm tra.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NSNN HUYỆN ĐỨC PHỔ TRONG THỜI GIAN QUA

#### 2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KT-XH CỦA HUYỆN ĐỨC PHỔ

##### 2.1.1. Đặc điểm về tự nhiên

Đức Phổ là một huyện đồng bằng, nằm ở phía Nam tỉnh Quảng Ngãi cách Đà Nẵng 140km. Toàn huyện có 15 xã, thị trấn; trong đó có 06 xã ven biển, 02 xã miền núi, 06 xã đồng bằng và 01 thị trấn.

##### 2.1.2. Khái quát tình hình KT-XH của huyện

###### 2.1.2.1. Về kinh tế

Cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng ngành Nông - Lâm - Thủy sản, tăng tỷ trọng ngành Công nghiệp - Xây dựng và ngành Thương mại - Dịch vụ. Giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2006 – 2010 tăng 20,5 %.

###### 2.1.2.2. Về xã hội

Tình hình xã hội ổn định làm cho các nhà đầu tư trong và ngoài huyện yên tâm đầu tư. Đây là điều kiện thuận lợi cho huyện có thể phát huy nội lực kinh tế, làm tăng các khoản thu cho ngân sách huyện.

##### 2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình phát triển của huyện

**2.1.3.1. Thuận lợi:** Kinh tế tiếp tục tăng trưởng với tốc độ khá cao, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt dự toán giao và cùng kỳ năm trước.

**2.1.3.2. Khó khăn:** Kinh tế huyện Đức Phổ tăng trưởng khá, cơ cấu chuyển dịch đúng hướng nhưng chất lượng chưa cao, chưa có giải pháp hữu hiệu để tăng thu cân đối, nguồn thu ngân sách huyện thiếu tính bền vững.

### 2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NSNN HUYỆN ĐỨC PHỔ TRONG THỜI GIAN QUA (2006-2010)

#### 2.2.1. Công tác lập dự toán NSNN huyện

Hàng năm vào đầu quý 3, căn cứ văn bản hướng dẫn; UBND tỉnh thông báo số kiểm tra giao cho Sở Tài chính phối hợp Sở Kế hoạch và đầu tư, Cục Thuế thông báo số dự kiến dự toán và hướng dẫn huyện lập dự toán ngân sách cho các địa phương. Phòng Tài chính – KH tổng hợp dự toán ngân

sách của các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn và dự toán thu NSNN trên địa bàn do Chi cục thuế lập, trình HĐND huyện phê chuẩn Nghị quyết dự toán NSNN huyện; báo cáo UBND tỉnh Quảng Ngãi.

##### 2.2.1.1. Lập dự toán thu NSNN huyện

Căn cứ Luật NSNN và các văn bản của Chính Phủ, Bộ Tài chính, UBND tỉnh nhằm thu đúng và đầy đủ các khoản thu, tránh thu sai.

**Bảng 2.3: Tình hình lập dự toán thu qua các năm 2006 -2010**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

| Chỉ tiêu  | Năm 2006 (*)  | Năm 2007      |               |            | Năm 2008      |               |            | Năm 2009      |               |            | Năm 2010      |               |            |
|---|---------------|---------------|---------------|------------|---------------|---------------|------------|---------------|---------------|------------|---------------|---------------|------------|
|   |               | Dự toán       | DT07/<br>DT06 |            | Dự toán       | DT08/<br>DT07 |            | Dự toán       | DT09/<br>DT08 |            | Dự toán       | DT10/<br>DT09 |            |
|   |               |               | Số tuyệt đối  | Tỷ lệ      |               | Số tuyệt đối  | Tỷ lệ      |               | Số tuyệt đối  | Tỷ lệ      |               | Số tuyệt đối  | Tỷ lệ      |
| <b>TỔNG THU</b>   | 51.969        | 62.536        | 10.567        | 120        | 76.380        | 13.844        | 122        | 88.704        | 12.324        | 116        | 96.738        | 8.034         | 109        |
| A- Các khoản thu cân đối NSNN                             | 24.119        | 29.536        | 5.417         | 122        | 37.180        | 7.644         | 126        | 42.704        | 5.524         | 115        | 50.538        | 7.834         | 118        |
| I. Thu từ SXKD trong nước                                 | 13.884        | 18.445        | 4.561         | 133        | 21.730        | 3.285         | 118        | 24.840        | 3.110         | 114        | 27.350        | 2.510         | 110        |
| 1. Thu từ thuế  | 6.555         | 6.995         | 440           | 107        | 7.540         | 545           | 108        | 7.550         | 10            | 100        | 10.000        | 2.450         | 132        |
| 2. Thu phí, lệ phí, lệ phí trước bạ                       | 729           | 1.050         | 321           | 144        | 1.570         | 520           | 150        | 4.150         | 2.580         | 264        | 2.650         | -1.500        | 64         |
| 3. Các khoản thu về nhà, đất                              | 6.500         | 10.000        | 3.500         | 154        | 12.500        | 2.500         | 125        | 13.000        | 500           | 104        | 14.500        | 1.500         | 112        |
| 4. Thu khác   | 100           | 400           | 300           | 400        | 120           | -280          | 30         | 140           | 20            | 117        | 200           | 60            | 143        |
| <b>II. Thu chuyển nguồn và kết dư ngân sách năm trước</b> | <b>10.235</b> | <b>11.091</b> | <b>856</b>    | <b>108</b> | <b>15.450</b> | <b>4.359</b>  | <b>139</b> | <b>17.864</b> | <b>2.414</b>  | <b>116</b> | <b>23.188</b> | <b>5.324</b>  | <b>130</b> |
| B- Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN       |               | 1.500         | 1.500         |            | 1.700         | 200           | 113        | 1.000         | -700          | 59         | 1.200         | 200           | 120        |
| <b>C- Thu bổ sung ngân sách tỉnh</b>                      | <b>27.850</b> | <b>31.500</b> | <b>3.650</b>  | <b>113</b> | <b>37.500</b> | <b>6.000</b>  | <b>119</b> | <b>45.000</b> | <b>7.500</b>  | <b>120</b> | <b>45.000</b> | <b>0</b>      | <b>100</b> |

Năm 2006 (\*) là năm gốc để so sánh

Nguồn : Dự toán thu NSNN huyện năm 2006-2010 - Phòng Tài chính - KH huyện Đức Phổ[12]

Dựa vào bảng số liệu Bảng 2.3, tăng thu chủ yếu từ bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, khoản thu này khi lập dự toán chưa xác định trước được.

Công tác lập dự toán thu của huyện đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, tuy nhiên việc lập dự toán thu còn hạn chế đó là chưa tính toán được hết khả năng thu ngân sách thực tế trên địa bàn huyện, thể hiện có những chỉ tiêu thực hiện đạt từ 180% đến gần 450% so với dự toán, một số chỉ tiêu đạt thấp 73% dự toán giao. Do vậy, cần xem xét các căn cứ khi tiến hành lập dự toán thu NSNN cũng như trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ phân tích các chỉ tiêu, các cơ sở tính toán để lập dự toán thu NSNN hàng năm.

### 2.2.1.2. Lập dự toán chi NSNN huyện

Căn cứ số kiểm tra, số chi các năm trước, nhiệm vụ cụ thể của năm kế hoạch và những chỉ tiêu dân số, vùng lãnh thổ, biên chế, ... do cơ quan có thẩm quyền thông báo và hướng dẫn của cấp trên làm cơ sở lập dự toán chi ngân sách hàng năm.

**Bảng 2.4: Tình hình lập dự toán chi qua các năm 2006 -2010**

Đơn vị tính : Triệu đồng

| Chỉ tiêu  | Năm 2006 (*)  | Năm 2007      |               |            | Năm 2008      |               |            | Năm 2009       |               |            | Năm 2010       |              |            |
|---|---------------|---------------|---------------|------------|---------------|---------------|------------|----------------|---------------|------------|----------------|--------------|------------|
|   |               | DT07/DT06     |               | DT         | DT08/DT07     |               | DT         | DT09/DT08      |               | DT         | DT10/DT09      |              |            |
|   |               | Dự toán       | Số tuyệt đối  |            | Tỷ lệ         | Dự toán       |            | Số tuyệt đối   | Tỷ lệ         |            | Dự toán        | Số tuyệt đối | Tỷ lệ      |
| <b>TỔNG CHI</b>                                     | <b>45.690</b> | <b>61.425</b> | <b>15.735</b> | <b>134</b> | <b>72.015</b> | <b>10.590</b> | <b>117</b> | <b>105.111</b> | <b>33.096</b> | <b>146</b> | <b>113.455</b> | <b>8.344</b> | <b>108</b> |
| <b>I- Chi cân đối ngân sách</b>                     | <b>38.190</b> | <b>49.925</b> | <b>11.735</b> | <b>131</b> | <b>60.315</b> | <b>10.390</b> | <b>121</b> | <b>79.111</b>  | <b>18.796</b> | <b>131</b> | <b>87.255</b>  | <b>8.144</b> | <b>110</b> |
| <b>1. Chi đầu tư phát triển</b>                     | <b>5.500</b>  | <b>2.550</b>  | <b>-2.950</b> | <b>46</b>  | <b>8.000</b>  | <b>5.450</b>  | <b>314</b> | <b>10.250</b>  | <b>2.250</b>  | <b>128</b> | <b>12.500</b>  | <b>2.250</b> | <b>122</b> |
| <b>2. Chi thường xuyên</b>                          | <b>32.690</b> | <b>47.375</b> | <b>14.685</b> | <b>145</b> | <b>52.315</b> | <b>4.940</b>  | <b>110</b> | <b>68.861</b>  | <b>16.546</b> | <b>132</b> | <b>74.755</b>  | <b>5.894</b> | <b>109</b> |
| <b>II- Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN</b> |               | <b>1.500</b>  | <b>1.500</b>  |            | <b>1.700</b>  | <b>200</b>    | <b>113</b> | <b>1.000</b>   | <b>-700</b>   | <b>59</b>  | <b>1.200</b>   | <b>200</b>   | <b>120</b> |
| <b>III- Chi bổ sung ngân sách cấp dưới</b>          | <b>7.500</b>  | <b>10.000</b> | <b>2.500</b>  | <b>133</b> | <b>10.000</b> | <b>0</b>      | <b>100</b> | <b>25.000</b>  | <b>15.000</b> | <b>250</b> | <b>25.000</b>  | <b>0</b>     | <b>100</b> |

Năm 2006 (\*) là năm gốc để so sánh

Nguồn : Dự toán chi NSNN huyện năm 2006-2010 - Phòng Tài chính - KH huyện Đức Phổ [12]

Kết quả thực hiện dự toán chi ngân sách huyện từ Bảng số liệu 2.4 cho thấy nhiệm vụ chi ngân sách huyện tăng qua các năm, phù hợp với tình hình phát triển KT-XH của huyện. Nhìn chung, công tác lập dự toán chi của huyện đã thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên, chất lượng chưa cao, chưa đánh giá đúng tình hình thực hiện năm trước, nhiệm vụ năm kế hoạch để tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục cho những năm tiếp theo.

### 2.2.2. Công tác chấp hành dự toán NSNN huyện

#### 2.2.2.1. Chấp hành dự toán thu tại huyện Đức Phổ

Căn cứ Nghị quyết HĐND huyện giao, Chi cục thuế, Phòng Tài chính – KH, các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức thu, nộp ngân sách hàng năm.

**Bảng 2.5: Tình hình chấp hành thu NSNN huyện Đức Phổ qua các năm 2006-2010**

Đơn vị tính : Triệu đồng

| Chi tiêu  | Năm 2006      |               |            | Năm 2007      |                |            | Năm 2008      |                |            | Năm 2009      |                |            | Năm 2010      |                |            |
|---|---------------|---------------|------------|---------------|----------------|------------|---------------|----------------|------------|---------------|----------------|------------|---------------|----------------|------------|
|   | DT            | TH            | TH/DT      | DT            | TH             | TH/DT      | DT            | TH             | TH/DT      | DT            | TH             | TH/DT      | DT            | TH             | TH/DT      |
| <b>TỔNG THU</b>   | <b>51.969</b> | <b>77.580</b> | <b>149</b> | <b>62.536</b> | <b>109.498</b> | <b>175</b> | <b>76.380</b> | <b>138.296</b> | <b>181</b> | <b>88.704</b> | <b>179.804</b> | <b>203</b> | <b>96.738</b> | <b>203.162</b> | <b>210</b> |
| <b>A- Các khoản thu cân đối ngân sách</b>                 | <b>24.119</b> | <b>26.411</b> | <b>110</b> | <b>29.536</b> | <b>37.567</b>  | <b>127</b> | <b>37.180</b> | <b>47.794</b>  | <b>129</b> | <b>42.704</b> | <b>55.044</b>  | <b>129</b> | <b>50.538</b> | <b>65.471</b>  | <b>130</b> |
| <b>I. Thu từ SX KD trong nước</b>                         | <b>13.884</b> | <b>16.176</b> | <b>117</b> | <b>18.445</b> | <b>25.026</b>  | <b>136</b> | <b>21.730</b> | <b>28.458</b>  | <b>131</b> | <b>24.840</b> | <b>29.408</b>  | <b>118</b> | <b>27.350</b> | <b>36.524</b>  | <b>134</b> |
| 1. Thu từ thuế  | 6.555         | 6.258         | 95         | 6.995         | 6.951          | 99         | 7.540         | 7.101          | 94         | 7.550         | 8.497          | 113        | 10.000        | 12.303         | 123        |
| 2. Thu phí, lệ phí, trước bạ                              | 729           | 791           | 108        | 1.050         | 1.881          | 179        | 1.570         | 2.925          | 186        | 4.150         | 4.592          | 111        | 2.650         | 3.549          | 134        |
| 3. Các khoản thu về nhà, đất                              | 6.500         | 8.815         | 136        | 10.000        | 15.107         | 151        | 12.500        | 17.844         | 143        | 13.000        | 15.870         | 122        | 14.500        | 19.718         | 136        |
| 4. Thu khác   | 100           | 312           | 312        | 400           | 1.087          | 272        | 120           | 587            | 489        | 140           | 449            | 321        | 200           | 955            | 477        |
| <b>II. Thu chuyển nguồn và kết dư ngân sách năm trước</b> | <b>10.235</b> | <b>10.235</b> | <b>100</b> | <b>11.091</b> | <b>12.541</b>  | <b>113</b> | <b>15.450</b> | <b>19.336</b>  | <b>125</b> | <b>17.864</b> | <b>25.636</b>  | <b>144</b> | <b>23.188</b> | <b>28.947</b>  | <b>125</b> |
| <b>B- Các khoản thu để lại đơn vị chi qua NS</b>          |               |               |            | <b>1.500</b>  | <b>2.995</b>   | <b>200</b> | <b>1.700</b>  | <b>1.380</b>   | <b>81</b>  | <b>1.000</b>  | <b>1.220</b>   | <b>122</b> | <b>1.200</b>  | <b>1.762</b>   | <b>147</b> |
| <b>C- Thu bổ sung NS cấp trên</b>                         | <b>27.850</b> | <b>51.169</b> | <b>184</b> | <b>31.500</b> | <b>68.936</b>  | <b>219</b> | <b>37.500</b> | <b>89.122</b>  | <b>238</b> | <b>45.000</b> | <b>123.540</b> | <b>275</b> | <b>45.000</b> | <b>135.929</b> | <b>302</b> |

Nguồn : Phòng Tài chính - KH huyện Đức Phổ

Từ Bảng 2.5, cho thấy kết quả thu cân đối ngân sách năm sau tăng so với năm trước. Nguồn thu cân đối ngân sách huyện chủ yếu là thuế công thương nghiệp: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế môn bài, thu khác ngân sách, thu tiền phạt và thu tịch thu. Những năm qua, cơ cấu nguồn thu cũng thay đổi theo định hướng phát triển KT-XH của huyện qua từng năm. Kết quả tăng thu cân đối chủ yếu từ thu tiền sử dụng đất qua đầu giá đất ở, thu từ thuế. Tăng thu so với dự toán giao hàng năm chủ yếu là tăng thu từ bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh (ngoài dự toán) và tăng thu từ quỹ đất đầu giá, thu thuế thường là không đạt dự toán, đạt từ 94% năm 2010 đạt 123%, qua đó cho thấy tăng thu của huyện thiếu tính bền vững.

**Bảng 2.6: Cơ cấu nguồn thu ngân sách huyện Đức Phổ ( 2006-2010 )**

| Chỉ tiêu                                  | Năm 2006   | Năm 2007   | Năm 2008   | Năm 2009   | Năm 2010   |
|---|------------|------------|------------|------------|------------|
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          | <b>100</b> | <b>100</b> | <b>100</b> | <b>100</b> | <b>100</b> |
| 1. Thu cân đối ngân sách                  | 34%        | 33%        | 32%        | 23%        | 29%        |
| 2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên      | 66%        | 63%        | 64%        | 72%        | 67%        |
| 2.1 Thu bổ sung cân đối                   | 7%         | 70%        | 54%        | 34%        | 36%        |
| 2.2 Thu bổ sung có mục tiêu               | 93%        | 30%        | 46%        | 66%        | 64%        |
| 3. Thu chuyển nguồn                       |            | 1,3%       | 2,9%       | 3,8%       | 2,8%       |
| 4. Thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN |            | 2,7%       | 1,1%       | 1,2%       | 1,2%       |

*Nguồn: Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Đức Phổ*

Đức Phổ là huyện có nguồn thu thấp, chủ yếu dựa vào nguồn bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh. Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên chủ yếu để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương và một số nhiệm vụ xã hội khác như: chi công tác đảm bảo xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, trợ giá, trợ cước các mặt hàng chính sách, cấp bù thủy lợi phí...

### 2.2.2.1. Chấp hành dự toán chi tại huyện Đức Phổ

Sau khi HĐND tỉnh thông qua dự toán ngân sách, UBND huyện giao dự toán và phân bổ ngân sách cho các cơ quan, địa phương thuộc huyện.

Chi ngân sách huyện gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển. Trên cơ sở nguồn thu cân đối ngân sách huyện và bổ sung từ ngân sách cấp trên, dự toán chi ngân sách huyện đã được phân bổ đáp ứng yêu cầu chi thường xuyên và phát triển KT-XH, đảm bảo an ninh, quốc phòng. Chi thường xuyên đối với đơn vị được giao quyền tự chủ kinh phí bằng hình thức thông báo số dự toán. Chi bằng lệnh chi tiền và ghi thu, ghi chi ngân sách: đây là lệnh do cơ quan tài chính lập yêu cầu cơ quan quản lý quỹ ngân sách (KBNN) thực hiện. Chi thanh toán vốn đầu tư, KBNN căn cứ vào văn bản của cấp có thẩm quyền, đối chiếu với kế hoạch vốn hàng năm do cấp có thẩm quyền giao để kiểm soát thanh toán. Chi ngân sách huyện đảm bảo không vượt dự toán. Công tác chấp hành dự toán tại huyện nhiều năm qua đúng theo quy định.

**Bảng 2.7: Tình hình chấp hành chi NSNN huyện Đức Phổ qua các năm 2006-2010**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Chi tiêu   | Năm 2006      |               |            | Năm 2007      |               |            | Năm 2008      |                |            | Năm 2009       |                |            | Năm 2010       |                |            |
|--|---------------|---------------|------------|---------------|---------------|------------|---------------|----------------|------------|----------------|----------------|------------|----------------|----------------|------------|
|  | Dự toán       | Thực hiện     | TH/DT      | Dự toán       | Thực hiện     | TH/DT      | Dự toán       | Thực hiện      | TH/DT      | Dự toán        | Thực hiện      | TH/DT      | Dự toán        | Thực hiện      | TH/DT      |
| <b>TỔNG CHI</b>                                      | <b>45.690</b> | <b>66.489</b> | <b>146</b> | <b>61.425</b> | <b>94.067</b> | <b>153</b> | <b>72.015</b> | <b>120.432</b> | <b>167</b> | <b>105.111</b> | <b>176.616</b> | <b>168</b> | <b>113.455</b> | <b>182.507</b> | <b>161</b> |
| <b>I- Chi cân đối ngân sách</b>                      | <b>38.190</b> | <b>50.580</b> | <b>132</b> | <b>49.925</b> | <b>62.880</b> | <b>126</b> | <b>60.315</b> | <b>82.535</b>  | <b>137</b> | <b>79.111</b>  | <b>127.859</b> | <b>162</b> | <b>87.255</b>  | <b>125.024</b> | <b>143</b> |
| 1. Chi đầu tư phát triển                             | 5.500         | 4.983         | 91         | 2.550         | 2.960         | 116        | 8.000         | 16.213         | 203        | 10.250         | 16.067         | 157        | 12.500         | 23.355         | 187        |
| 2. Chi thường xuyên                                  | 32.690        | 45.597        | 139        | 47.375        | 59.920        | 126        | 52.315        | 66.322         | 127        | 68.861         | 111.791        | 162        | 74.755         | 101.669        | 136        |
| <b>II- Chi chuyển nguồn</b>                          |               |               |            |               | <b>3.886</b>  |            |               | <b>7.772</b>   |            |                | <b>5.759</b>   |            |                | <b>7.116</b>   |            |
| <b>III- Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN</b> |               |               |            | <b>1.500</b>  | <b>2.995</b>  | <b>200</b> | <b>1.700</b>  | <b>1.380</b>   | <b>81</b>  | <b>1.000</b>   | <b>1.220</b>   | <b>122</b> | <b>1.200</b>   | <b>1.391</b>   | <b>116</b> |
| <b>IV- Chi bổ sung ngân sách cấp dưới</b>            | <b>7.500</b>  | <b>15.908</b> | <b>212</b> | <b>10.000</b> | <b>24.209</b> | <b>242</b> | <b>10.000</b> | <b>28.041</b>  | <b>280</b> | <b>25.000</b>  | <b>40.987</b>  | <b>164</b> | <b>25.000</b>  | <b>48.976</b>  | <b>196</b> |
| <b>V- Chi nộp ngân sách cấp trên</b>                 |               |               |            |               | <b>97</b>     |            |               | <b>704</b>     |            |                | <b>791</b>     |            |                |                |            |

*Nguồn: Phòng Tài chính - KH huyện Đức Phổ*



Từ Bảng 2.7 cho thấy, tăng chi trong năm là do bổ sung dự toán từ các nguồn thu trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh (nguồn thu này chưa đưa vào dự toán đầu năm), tăng chi từ các nguồn tăng thu trong năm. Trong năm bổ sung dự toán để chi theo chương trình mục tiêu như: chi sự nghiệp đào tạo, bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, chi đảm bảo an sinh, xã hội...

**Bảng 2.8: Cơ cấu chi ngân sách huyện Đức Phổ giai đoạn 2006-2010**

| CHỈ TIÊU                     | Năm 2006   | Năm 2007   | Năm 2008   | Năm 2009   | Năm 2010   |
|------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| <b>TỔNG CỘNG</b>             | <b>100</b> | <b>100</b> | <b>100</b> | <b>100</b> | <b>100</b> |
| 1. Chi đầu tư phát triển (%) | 9,8%       | 4,7%       | 19,6%      | 12,5%      | 18,6%      |
| 2. Chi thường xuyên (%)      | 90,2%      | 95,3%      | 80,4%      | 87,5%      | 81,4%      |

Chi ngân sách huyện, chủ yếu là chi thường xuyên chiếm tỷ trọng lớn từ 80% đến 95% trong tổng chi, nguồn thu ngân sách huyện khá hạn hẹp, phụ thuộc vào ngân sách cấp trên. Qua phân tích cơ cấu chi ngân sách huyện những năm qua cho thấy chi đầu tư phát triển còn rất thấp, nguyên nhân là năng lực chuyên môn của kế toán, chủ đầu tư còn yếu, không có hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành.

### 2.2.3. Công tác quyết toán NSNN huyện

#### 2.2.3.1. Quyết toán thu NSNN huyện

Vào thời điểm cuối năm, cơ quan thu và UBND các xã, thị trấn tiến hành đối chiếu, lập báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính để tổng hợp báo cáo quyết toán thu ngân sách huyện hàng năm.

#### 2.2.3.1. Quyết toán chi NSNN huyện

Trong những năm qua, quyết toán của cơ quan tài chính lập gửi cơ quan tài chính cấp trên và HĐND thường thuyết minh sơ sài, chưa phân tích cụ thể các chỉ tiêu, chỉ phản ánh số liệu báo cáo quyết toán vì vậy rất khó khăn cho công tác thẩm định quyết toán.

### 2.2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra NSNN tại huyện Đức Phổ

Phòng Tài chính – KH có trách nhiệm thẩm định báo cáo quyết toán của các xã, thị trấn; kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, khớp đúng giữa số liệu

quyết toán do địa phương lập, số quyết toán đã qua KBNN huyện; xét duyệt quyết toán của các cơ quan, đơn vị dự toán đúng thẩm quyền quy định.

### 2.3. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NSNN HUYỆN ĐỨC PHỔ

Quản lý NSNN huyện thực chất là quản lý ngân sách qua các khâu lập dự toán, chấp hành, quyết toán và thanh tra, kiểm tra ngân sách.

#### 2.3.1. Những kết quả đạt được

Thông qua phân cấp quản lý ngân sách đã thúc đẩy phân cấp các quy trình quản lý về thu ngân sách tạo sự chủ động và làm rõ trách nhiệm từng cấp trong quản lý chi ngân sách trong phạm vi phân cấp.

Số thu ngân sách có sự tăng trưởng, năm sau cao hơn năm trước (từ 13% đến 49%) đáp ứng một phần nhu cầu chi tiêu phục vụ phát triển KT-XH của huyện.

Công tác lập, phân bổ và giao dự toán đảm bảo tính công khai, minh bạch, cơ bản đảm bảo thời gian theo quy định, từng bước nâng cao chất lượng lập dự toán đồng thời thực hiện việc giao quyền tự chủ về biên chế và tài chính đối với các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập.

Từng bước nâng dần ý thức thực hiện Luật NSNN.

Công tác xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách được cơ quan tài chính tập trung nhân lực để thực hiện nhiệm vụ.

#### 2.3.2. Những hạn chế

##### 2.3.2.1. Công tác lập dự toán

Các đơn vị lập dự toán còn chậm, dẫn đến công tác tổng hợp dự toán ngân sách huyện chưa kịp thời theo quy định.

Phân bổ dự toán cho các đơn vị mang tính định mức theo quy định.

##### 2.3.2.2. Về chấp hành dự toán

Công tác phối hợp giữa cơ quan thuế và các cơ quan có chức năng chưa chặt chẽ, chưa có chế tài đủ mạnh để xử lý các đối tượng nợ thuế, có nhiều đối tượng chây ì, trốn thuế, gây thất thoát nguồn thu.

Việc bổ sung dự toán chi còn nhiều, gây khó khăn trong việc quản lý theo dự toán.

Cơ cấu chi ngân sách cho xây dựng cơ bản trong tổng chi ngân sách huyện hàng năm tuy có tăng về số tuyệt đối nhưng chiếm tỷ lệ còn thấp trong tổng chi ngân sách.

Về nguyên tắc dự phòng chi ngân sách để chi cho các nhiệm vụ phòng chống thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn,... Tuy nhiên, do nguồn vốn ngân sách huyện chưa cân đối được nhiệm vụ chi thường xuyên nên đã sử dụng nguồn chi này để bổ sung dự toán cho các đơn vị, địa phương, trái với quy định hiện hành.

#### **2.3.2.3. Về công tác quyết toán ngân sách huyện**

Qua kiểm tra thực tế cho thấy công tác quyết toán ngân sách đúng quy định nhưng đạt chất lượng chưa cao.

Việc tổ chức xét duyệt và thẩm định quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I và cơ quan tài chính thường chậm, chất lượng chưa cao.

#### **2.3.2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra**

Công tác thanh tra, kiểm tra chưa có sự phối hợp chặt chẽ, xử lý sai phạm chưa triệt để, có những sai phạm được phát hiện nhưng đối tượng vi phạm chưa thực hiện qua nhiều năm nhưng huyện cũng không có biện pháp xử lý nghiêm.

### **2.3.3. Nguyên nhân cơ bản của những hạn chế trên**

#### **2.3.3.1. Về lập dự toán ngân sách huyện**

Trình độ đội ngũ cán bộ phân tích và lập dự toán chưa chuyên sâu, chưa có bộ phận chuyên trách cho lĩnh vực lập dự toán. Lập dự toán chưa bám sát quy hoạch phát triển KT-XH của huyện, chủ yếu căn cứ vào số kiểm tra của cấp trên giao. Số liệu dự toán chủ yếu là ước thực hiện năm trước để lập dự toán cho năm kế hoạch, tình hình giá cả tăng, chế độ chi tiêu thay đổi,...

#### **2.3.3.2. Chấp hành ngân sách**

Bổ sung dự toán chi từ nguồn dự phòng chi và chi khác ngân sách huyện còn nhiều, từ đó tạo tính ỷ lại cho một số đơn vị dự toán trong công tác lập dự toán hàng năm. Công tác quản lý nguồn thu chưa triệt để, chưa có biện pháp xử lý mạnh đối với các đối tượng trốn lậu thuế. Phân cấp quản lý

ngân sách còn nhiều tồn tại, cơ chế phân cấp này đã làm cho ngân sách huyện ở thế bị động.

#### **2.3.3.3. Về quyết toán ngân sách**

Trình độ nghiệp vụ kế toán chưa đồng đều, có một số địa phương chưa phản ánh kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kế toán vào chương trình kế toán máy, cuối năm công tác khóa sổ lập báo cáo quyết toán thường chậm trễ, dẫn đến công tác lập báo cáo quyết toán ngân sách huyện thường chậm.

#### **2.3.3.4. Công tác thanh tra, kiểm tra quyết toán NSNN huyện**

Thời gian qua các cơ quan thanh kiểm tra còn mang tính hình thức, thiếu trách nhiệm trong tổ chức phối hợp, hình thức xử phạt chưa đúng mức.

Các cơ quan thanh, kiểm tra phát hiện những bất cập trong chế độ chính sách áp dụng đã quá cũ, nhưng việc kiến nghị các cấp thẩm quyền cấp trên để hoàn chỉnh hành lang pháp lý.

#### **2.3.3.5. Chính sách tài chính của Nhà nước hiện nay**

Hệ thống pháp luật và cơ chế tài chính chưa tạo hành lang pháp lý vững chắc trong quản lý NSNN.

### CHƯƠNG 3

## GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI HUYỆN ĐỨC PHỐ

### 3.1. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA HUYỆN ĐỨC PHỐ TRONG THỜI GIAN ĐẾN

#### - Quan điểm phát triển:

+ Thực hiện động viên nguồn thu hợp lý, tháo gỡ vướng mắc và khơi thông các nguồn lực trong xã hội. Bố trí cơ cấu chi ngân sách hợp lý, đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản lý NSNN, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Thực hiện xã hội hoá trên các lĩnh vực văn hóa - xã hội.

+ Thực hiện phối kết hợp chặt chẽ giữa cơ quan thanh kiểm tra, kiểm toán, thực hiện công khai minh bạch, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các đơn vị trong việc quản lý và sử dụng NSNN.

#### - Các chỉ tiêu phát triển chủ yếu:

Phấn đấu đạt mức tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2011-2015: Nông, lâm, ngư nghiệp: 3,5-4%/năm; công nghiệp - xây dựng: 35-36%/năm; Dịch vụ, thương mại, du lịch: 24-25%/năm. Cơ cấu kinh tế đến năm 2015: Nông, lâm, ngư nghiệp: 11 %; Công nghiệp - xây dựng: 52,5%; Dịch vụ, thương mại, du lịch: 36,5%.

### 3.2. GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NSNN HUYỆN ĐỨC PHỐ TRONG THỜI GIAN ĐẾN

#### 3.2.1. Nâng cao chất lượng công tác lập dự toán ngân sách

Lập dự toán NSNN phải tính đến các kết quả phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch ngân sách của các năm trước, đặc biệt là của năm báo cáo; dựa trên các chế độ chính sách, tiêu chuẩn, định mức cụ thể về thu, chi, đồng thời đảm bảo đúng thời gian và quy trình từ dưới cơ sở tổng hợp lên, có như vậy mới sát đúng với thực tế từng địa phương, đơn vị.

##### 3.2.1.1. Nâng cao chất lượng lập dự toán thu ngân sách

- Các cơ quan thu trên địa bàn rà soát, đối chiếu, quản lý, phát triển

nguồn thu mới và khai thác các nguồn thu hiện có nhằm thu đúng, thu đủ vào NSNN, tạo môi trường kinh doanh công bằng, lành mạnh, tránh tình trạng bỏ sót nguồn thu như những năm qua.

- Phòng Tài chính – KH huyện cần tích cực hơn trong việc hướng dẫn các đơn vị, địa phương, phối hợp với cơ quan thuế đồng cấp lập dự toán thu NSNN trên địa bàn. Dự toán thu phải được xây dựng trên cơ sở tính đúng, đủ các khoản thu theo quy định và phân tích, dự báo về yếu tố tăng trưởng kinh tế, giá cả.

- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chỉ đạo bộ phận kế toán lập dự toán thu ngân sách cấp xã phải bám sát vào chế độ, chính sách và tình hình phát triển KT-XH của địa phương.

##### 3.2.1.2. Hoàn thiện công tác lập dự toán chi ngân sách huyện

- Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán chi phải bám sát yêu cầu phát triển KT-XH. Lập và gửi dự toán đúng theo quy định.

- Phòng Tài chính - KH tổng hợp và xây dựng dự toán chi NSNN huyện trên cơ sở dự toán của các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn đồng thời dự kiến nguồn thu được hưởng để cân đối nhiệm vụ chi.

#### 3.2.2. Hoàn thiện công tác chấp hành ngân sách

##### 3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống thu ngân sách

- Chi cục Thuế huyện tập trung hướng dẫn, đưa luật thuế mới vào đời sống nhân dân, thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn.

- Áp dụng tin học hóa trong quá trình thu và quản lý thuế.

- Tăng cường quản lý thu ở các xã, thị trấn, các khoản thu tại xã phải được nộp đầy đủ, kịp thời vào NSNN có xác nhận của KBNN.

- Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan thực hiện thu NSNN.

##### 3.2.2.2. Hoàn thiện công tác chấp hành chi ngân sách huyện

- Thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí đối với các cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường kiểm tra việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công.

- Thực hiện nghiêm chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ công khai tài chính; mua sắm, sửa chữa

tài sản theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ của Nhà nước.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý quy hoạch.
- Chi bổ sung dự toán khi đã rà soát, điều chỉnh mà không đủ nguồn.

### **3.2.3. Hoàn thiện công tác quyết toán ngân sách huyện**

- Kiểm tra, đối chiếu số liệu hạch toán, kế toán trong năm đảm bảo khớp đúng giữa đơn vị sử dụng ngân sách và KBNN nơi giao dịch.
- Rà soát các khoản thu, nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước.
- Tăng cường trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, cơ quan quản lý ngân sách cấp huyện và UBND huyện, xã, thị trấn.
- Phòng Tài chính – KH có kế hoạch xét duyệt, thẩm định số liệu quyết toán để chấn chỉnh các sai phạm kịp thời.
- Cần quy định rõ trách nhiệm trong việc quyết toán dự án hoàn thành. Bên cạnh đó cần tăng cường đào tạo nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ của ban quản lý dự án, nhất là kế toán công trình và chủ đầu tư.

### **3.2.4. Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra ngân sách huyện**

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn.
- Xây dựng cơ chế phân định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan tài chính, KBNN và đơn vị thụ hưởng ngân sách trong việc sử dụng ngân sách và trong quy trình kiểm soát.

### **3.2.5. Hoàn thiện việc phân cấp quản lý ngân sách huyện**

Để đáp ứng những yêu cầu mới về phát triển KT-XH, đòi hỏi phải tăng cường đẩy mạnh phân cấp quản lý Nhà nước, phân cấp quản lý NSNN các cấp.

### **3.2.6. Nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý ngân sách**

- Sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ cho hợp lý, bố trí đúng người đúng việc, phù hợp với khả năng và trình độ chuyên môn.
- Cán bộ lãnh đạo huyện cần nhận thức đúng đắn, toàn diện về tầm quan trọng, trách nhiệm trong công tác quản lý NSNN trên địa bàn.
- Cần có chế độ thưởng, phạt rõ ràng đối với các cá nhân, tổ chức làm tốt công tác quản lý NSNN.

### **3.2.7. Phát triển công nghệ thông tin phục vụ quản lý NSNN huyện**

- Xây dựng kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin, đào tạo cán bộ sử dụng hệ thống tin học quản lý.

- Các cơ quan thu phối hợp theo yêu cầu Luật Quản lý thuế thông qua mạng thông tin nhằm ngăn chặn hành vi trốn thuế và chậm nộp thuế.

- KBNN cần kiểm soát chặt chẽ các giao dịch thanh toán, chi ngân sách, hạn chế dùng tiền mặt nhằm kiểm soát được doanh thu chịu thuế của các doanh nghiệp, hạn chế các chi phí không cần thiết.

## **3.3. KIẾN NGHỊ**

### **3.3.1. Kiến nghị Trung ương**

- Hoàn thiện cơ chế quản lý NSNN.
- Xóa bỏ các định mức, tiêu chuẩn lạc hậu đáp ứng yêu cầu thực tế.
- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn về trang thiết bị làm việc.
- Đổi mới công tác kiểm toán đối với các cơ quan Nhà nước.

### **3.3.2. Kiến nghị tỉnh Quảng Ngãi**

- Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác lập dự toán.
- Đẩy mạnh hơn nữa việc phân cấp thu, chi ngân sách.
- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý các sai phạm.
- Đầu tư cơ sở vật chất về công nghệ, thông tin.

## KẾT LUẬN

Ngân sách huyện là một bộ phận cấu thành của Ngân sách Nhà nước. Thực hiện quản lý ngân sách huyện là một nhiệm vụ quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách diễn ra được quản lý công khai, chặt chẽ và đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách là tất yếu, đó là một quá trình lâu dài và sẽ gặp không ít khó, vướng mắc, đòi hỏi nỗ lực cố gắng của từng cá nhân, từng cơ quan, đơn vị và từng xã, thị trấn thuộc huyện.

Ngân sách Nhà nước được coi là huyết mạch của nền kinh tế, có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy cho sự phát triển kinh tế nhanh và bền vững, thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh, là công cụ để Nhà nước quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả quản lý nền kinh tế.

Thông qua ngân sách, Nhà nước huy động các nguồn lực của xã hội, phân phối và sử dụng cho nhu cầu phát triển kinh tế, thực hiện các chính sách xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước. Vì vậy, việc củng cố, hoàn thiện, lành mạnh hoá hệ thống tài chính quốc gia để phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước Việt Nam nói chung và của huyện Đức Phổ nói riêng trong thời kỳ mới.

Trên cơ sở những vấn đề lý luận và thực tiễn được trình bày trong luận văn, tôi xin rút ra một số kết luận:

- Để tăng cường hiệu lực trong công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với quản lý NSNN cần đổi mới một cách hiệu quả và sâu sắc công cụ quản lý, trong đó đội ngũ cán bộ quản lý là quan trọng nhất.

- Để xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường, nhà nước phải sử dụng một hệ thống các công cụ quản lý vĩ mô như kế hoạch, chính sách, các công cụ tài chính, pháp luật... Việc sử dụng các công cụ này thể hiện thông

qua hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong bộ máy nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước.

- Thực hiện quản lý tốt nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách, đảm bảo chất lượng và hiệu quả, thu đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật tạo môi trường kinh doanh công bằng giữa các đối tượng kinh doanh, chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cấp chính quyền, từng đơn vị góp phần hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ thúc đẩy huyện Đức Phổ phát triển ngày càng nhanh và bền vững.

Thông qua Luận văn tốt nghiệp: “Hoàn thiện công tác quản lý ngân sách huyện Đức Phổ” tôi muốn nêu những kết quả đạt được và những tồn tại, nguyên nhân trong công tác quản lý ngân sách huyện Đức Phổ, trình bày một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý ngân sách huyện. Tuy nhiên với khả năng hiểu biết của bản thân và thời gian có hạn nên bài viết sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, kính mong Quý Thầy, Cô giáo, Quý bạn đọc nhận xét, góp ý để bài viết được hoàn thiện hơn, với mong muốn đóng góp một phần vào công tác quản lý thu, chi ngân sách huyện Đức Phổ cho những năm đến .